

BAN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHOÁNG SẢN
KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY
VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHOÁNG SẢN

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Trụ sở chính: Tầng 3, TT Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Hà Nội



Điện thoại: (84-4) 3818 1888 Fax: (84-4) 3818 1688

Chi nhánh Tp.HCM: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3915 1368 Fax: (84-8) 3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng: 97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Điện thoại: (84-511) 3525 777 Fax: (84-511) 3525 779

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHOÁNG SẢN

Địa chỉ: Số 06 Phạm Ngũ Lão, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04. 38260673 Fax: 04. 38265594

TỔ CHỨC CHÀO BÁN

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN – VINACOMIN

Địa chỉ : Số 193 Nguyễn Huy Tưởng – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội



Điện thoại: 04.6287.6666 Fax: 04 6288.3333

Tháng 03 năm 2015

MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	4
1.	Tổ chức phát hành	4
2.	Phần chào bán.....	4
3.	Công bố thông tin và địa điểm tổ chức mua cổ phần	4
II.	CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT CHÀO BÁN	4
III.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1.	Rủi ro về kinh tế	5
2.	Rủi ro về luật pháp	8
3.	Rủi ro hoạt động kinh doanh	8
4.	Rủi ro khác	10
IV.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	10
1.	Chủ sở hữu vốn	10
2.	Doanh nghiệp bán đấu giá.....	10
3.	Tổ chức thực hiện bán đấu giá	10
V.	CÁC KHÁI NIỆM.....	11
VI.	THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY	12
1.	Giới thiệu về Công ty	12
1.1.	Những thông tin chung về Công ty	12
1.2.	Ngành, nghề kinh doanh.....	12
2.	Quá trình hình thành và phát triển.....	13
3.	Cơ cấu tổ chức Công ty	13
4.	Cơ cấu cổ đông.....	16
5.	Hoạt động kinh doanh	17
5.1.	Sản phẩm của Công ty.....	17
5.2.	Nguyên vật liệu	18
5.3.	Chi phí sản xuất qua các năm.....	18
6.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	19
6.1.	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần đây	19
6.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	20
7.	Vị thế của Công ty trong ngành	21
7.1	Vị thế của Công ty trong ngành	21

7.2	Một số thuận lợi và khó khăn.....	21
7.3	Triển vọng phát triển của ngành.....	21
8.	Chính sách đối với người lao động	21
8.1.	Cơ cấu lao động.....	21
8.2.	Chính sách đối với người lao động	22
9.	Chính sách cổ tức	22
10.	Tình hình tài chính	23
10.1.	Các chỉ tiêu cơ bản	23
10.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	25
11.	Tài sản	27
11.1.	Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 30/06/2014	27
11.2.	Tình hình sử dụng đất đai.....	27
12.	Cơ sở của ý kiến kiểm toán đối với việc từ chối đưa ý kiến đối với Báo cáo tài chính.	28
13.	Kế hoạch phát triển kinh doanh năm 2015.....	29
14.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	29
VII.	THAY LỜI KẾT.....	30

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN**1. Tổ chức phát hành**

Tên Công ty : Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu khoáng sản
Tên giao dịch : Mineral Import – Export Joint Stock Company
Tên viết tắt : Mimexco
Địa chỉ : Số 06 Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận
Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại : 04. 38260673/ 04. 38262762
Fax : 04. 38265594

2. Phần chào bán

Số lượng cổ phần chào bán : 12.000 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phần : 100.000 đồng/cổ phần
Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông
Giá trị cổ phần theo mệnh giá : 1.200.000.000 đồng
Phương thức chào bán : Chào bán đấu giá công khai theo quy định
Giá khởi điểm chào bán : 25.000 đồng/cổ phần

3. Công bố thông tin và địa điểm tổ chức mua cổ phần

- Địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin, nhận đăng ký tham gia đấu giá, nhận tiền đặt cọc, phát Phiếu tham dự đấu giá, nhận Phiếu tham dự đấu giá: Công ty Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS). Tầng 3, Trung tâm Hội nghị Công đoàn, số 1 Yết Kiêu, Hà Nội.
- Theo quy chế bán đấu giá cổ phần Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu khoáng sản do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội ban hành (Gọi tắt là Quy chế đấu giá).

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT CHÀO BÁN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Căn cứ Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính Phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Căn cứ công văn số 6464/TKV-TCCB ngày 04/01/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về thông qua phương án thoái vốn của Tổng công ty Khoáng sản – Vinacomin tại các Công ty con, công ty liên kết;
- Căn cứ Công văn số 6461/TKV-TCCB ngày 04/12/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về phương án thoái vốn của Tổng công ty Khoáng sản tại Công ty con, Công ty liên kết;
- Căn cứ Quyết định số 20/QĐ - VIMICO ngày 12/01/2015 của Tổng Công ty Khoáng sản - Vinacomin về việc lựa chọn SHS là tổ chức tài chính trung gian đấu giá công khai số cổ phần của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu khoáng sản;
- Và các văn bản pháp lý khác liên quan.

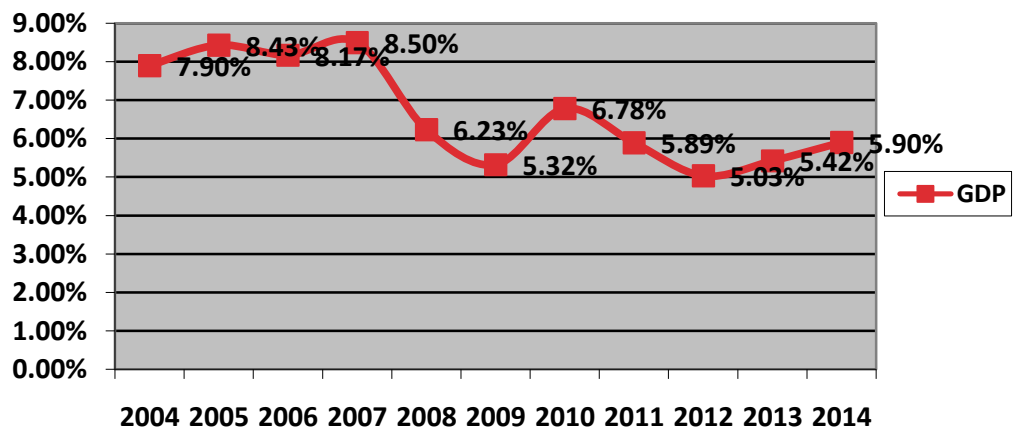
III. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

a. Rủi ro về kinh tế

❖ *Tăng trưởng kinh tế:*

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của Mimexco, đặc biệt là hoạt động xuất khẩu của Công ty. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Kinh tế Việt Nam có xu hướng tăng dần trong những năm 2004 – 2007 với tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 8.25%. Cuộc khủng hoảng tài chính của một số nền kinh tế lớn trong năm 2008 đã đẩy nền kinh tế thế giới vào tình trạng suy thoái, làm hẹp thị trường xuất khẩu, thị trường vốn, thị trường lao động và tác động tiêu cực tới nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội khác của nước ta, tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước năm 2008 chỉ đạt 6,18% và con số này trong những năm tiếp theo (2009 - 2011) cũng không cao. Tuy nhiên, sau nhiều nỗ lực phục hồi nền kinh tế của Chính phủ, từ năm 2012, GDP nước ta đã có xu hướng tăng nhẹ tương ứng là 5.03%, 5.42% và 5.9%.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam

Nguồn: Tổng cục thống kê

Năm 2012, tình hình kinh tế trong nước tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn, thách thức lớn. Tăng trưởng kinh tế năm 2012 tiếp tục chậm lại (chỉ đạt 5,03%, thấp hơn chỉ tiêu năm 2011; mặt bằng lãi suất vẫn ở mức cao, tuy vậy lạm phát đã được kiềm chế xuống còn một chữ số).

Năm 2013, kinh tế Việt Nam đã có những biến chuyển theo hướng tích cực hơn, GDP năm 2013 tăng hơn 5,42%, cải thiện tích cực so với mức tăng 5,25% của năm 2012. Với GDP tăng trưởng ở mức 5.9% trong năm 2014, Việt Nam trở thành nước thứ hai sau Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng GDP cao thứ 2 trên thế giới. Năm 2015, tập đoàn HSBC dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam ở mức 6.1% trong khi Tập đoàn kiểm toán lớn Ernst&Young lại khá lạc quan với mức tăng 6.4%. Nhìn chung bức tranh về nền kinh tế Việt Nam năm 2015 sẽ khá tích cực, tạo tiền đề cho các Doanh nghiệp trong nước phát triển.

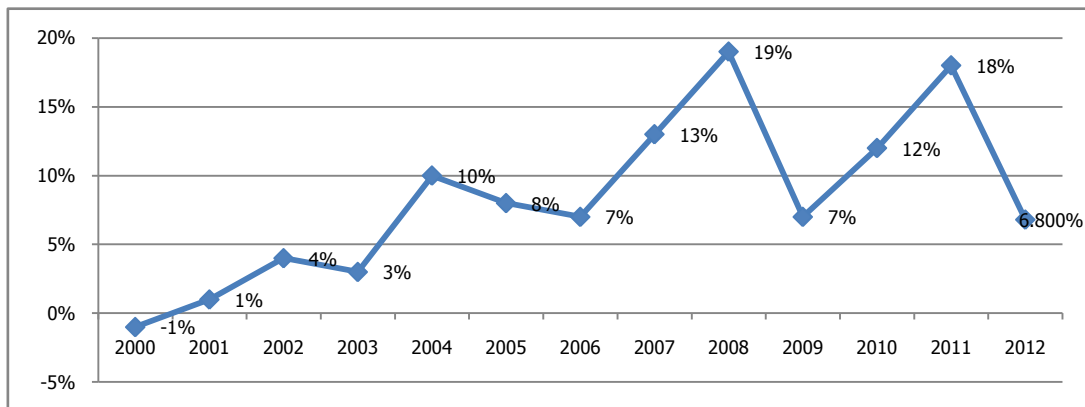
Tuy những khó khăn và bất ổn kinh tế trong những năm trước đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhưng với triển vọng tích cực về nền kinh tế vĩ mô năm 2015, cùng với hàng loạt chính sách về Đầu tư phát triển Doanh nghiệp trong nước của Chính phủ, đặc biệt là hội thảo tự do thương mại Châu Á Thái Bình Dương để xúc tiến thành lập khu vực tự do mậu dịch trong tương lai, sẽ là tiền đề quan trọng cho Công ty phát triển và đạt lợi nhuận cao hơn những năm trước. Bên cạnh những điều kiện kinh tế tích cực, để tiếp tục tồn tại và phát triển, đòi hỏi Công ty phải luôn chủ động, nhạy bén, kịp thời có các giải pháp, biện pháp vượt qua khó khăn thách thức, tận dụng triệt để các cơ hội có được để phát triển vươn lên.

❖ **Lạm phát:**

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua các chi phí kinh doanh. Tại Việt Nam, tỷ lệ lạm phát đã tăng từ 6,6% năm 2006 lên 12,6% trong năm 2007, đặc biệt năm 2008 tỷ lệ lạm phát đã tăng lên tới 19,87%. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 2008 – 2009 đã góp phần làm giảm tỷ lệ lạm phát Việt Nam cuối năm 2009, giảm xuống còn 6,9%. Tuy nhiên, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam năm 2010 tăng tới 11,8%.

Tính chung trong giai đoạn 2001-2010, lạm phát của Việt Nam đã tăng trung bình trên 8,8%/năm, vượt xa con số của một số quốc gia khác trong khu vực như Thái Lan (2,7%) hay Trung Quốc (2,1%).

Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam



Nguồn: Tổng cục thống kê

Đặc biệt, chỉ số giá tiêu dùng năm 2011 đã tăng tới 18,13% so với tháng 12 năm 2010, vượt xa chỉ tiêu 7% đặt ra từ đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu của sự tăng mạnh này là do những biến động về giá vàng, tỷ giá USD, lãi suất, nhập siêu cao... đã kéo theo nhiều mặt hàng trong nước tăng giá. Ngoài ra, giá cả của các mặt hàng công nghiệp, lương thực tăng mạnh cũng đã góp phần gây ra tình trạng lạm phát tăng cao. Năm 2012, với mục tiêu chính trong công tác điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ là kiềm chế lạm phát, Việt Nam đã đạt được kết quả khả quan với tỷ lệ lạm phát của cả năm 2012 dừng lại tại mức 6,8%.

Theo thông báo của Tổng Cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2013 tăng 6,04% so với cùng kỳ năm trước. Trong năm 2013, cung cầu hàng hóa trong nước cơ bản ổn định, giá một số hàng hóa thiết yếu như lương thực, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, xi măng, ở mức ổn định. Lạm phát năm 2014 thấp nhất trong 10 năm qua ở mức dưới 4% là điều kiện thuận lợi đối với nền kinh tế nói chung và Doanh nghiệp nói riêng.

b. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, các quy định, văn bản pháp luật khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty.

Kinh doanh XNK là giữa hai hay nhiều doanh nghiệp từ những quốc gia khác nhau với những chính sách kinh tế, chính trị khác nhau. Chính môi trường pháp lý và luật pháp của các bên khác nhau dẫn đến sự khác biệt và gây ra rủi ro cho các doanh nghiệp. Vướng vào các rủi ro liên quan đến pháp lý là điều khó tránh khỏi với các doanh nghiệp khi hoạt động kinh doanh XNK và khi hội nhập.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới. Mọi sự thay đổi về chính sách quản lý cũng như sự thay đổi về các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp nói chung cũng như của các doanh nghiệp trong ngành luôn có thể xảy ra, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

c. Rủi ro hoạt động kinh doanh**❖ Rủi ro trong quá trình cung ứng**

Hoạt động sản xuất chủ yếu của Công ty là kinh doanh, xuất nhập khẩu (XNK) khoáng sản. Như bất kỳ doanh nghiệp nào hoạt động trong lĩnh vực này, chuỗi cung ứng đóng vai trò rất quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trong quá trình diễn ra chuỗi cung ứng này, rủi ro thường thấy mà doanh nghiệp xuất nhập khẩu thường gặp là biến động giá khoáng sản (khoáng sản là một trong những mặt hàng có giá cả lên xuống khá thất thường), sản lượng và chất lượng khoáng sản không đảm bảo do rủi ro thiên tai, thời tiết, khoáng sản bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển, lựa chọn hãng tàu xe không đáng tin cậy... Do vậy, để xây dựng và sở hữu một chuỗi cung ứng lý tưởng thì doanh nghiệp cần phải biết kiểm soát những rủi ro có thể xảy ra với chuỗi cung ứng của mình.

❖ Rủi ro về thị trường và cạnh tranh

Thị trường Xuất nhập khẩu khoáng sản ở Việt Nam hiện nay có khá nhiều Công ty lớn và uy tín, với môi trường thiết bị sản xuất hiện đại dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Cạnh tranh với các doanh nghiệp lớn trong ngành XNK khoáng sản không thể tránh khỏi áp lực phải hạ giá sản phẩm, doanh số và lợi nhuận, mặt khác lại đòi hỏi các doanh nghiệp XNK phải có giải pháp hợp lý để tiếp cận thị trường, duy trì và gia tăng thị phần tiêu thụ nhưng đồng thời vẫn phải đảm bảo được chất lượng và tiến độ bàn giao thành phẩm.

❖ ***Rủi ro biến động giá và thanh toán***

Giá xuất khẩu là yếu tố quan trọng quyết định lợi nhuận của doanh nghiệp kinh doanh XNK. Trong giai đoạn hiện nay, nền kinh tế thế giới đang hồi phục nên giá của nhiều mặt hàng khoáng sản xuất khẩu của Việt Nam đã tăng cao hơn so với trước. Tuy nhiên, sự biến động giá khoáng sản tại thời điểm ký hợp đồng và thời điểm giao hàng là một rủi ro khiến nhiều doanh nghiệp trong lĩnh vực này bị thiệt hại nặng nề. Với sự hội nhập sâu và rộng như hiện nay, giá hàng hóa xuất khẩu phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, không chỉ của nền kinh tế trong nước mà còn cả nền kinh tế thế giới, chính vì vậy rủi ro về giá ngày càng cao hơn.

Rủi ro trong thanh toán là những rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện thanh toán liên quan tới các giao dịch, nguyên nhân phát sinh từ quan hệ giữa các bên tham gia có nghĩa vụ và quyền lợi. Mặc dù, trong kinh doanh XNK, thanh toán quốc tế chủ yếu được thực hiện qua ngân hàng, tuy nhiên vẫn còn nhiều rủi ro tiềm ẩn trong quá trình thanh toán ví dụ: ngân hàng không đảm bảo khả năng thanh toán, Ngân hàng không chấp nhận thanh toán, khách hàng không thanh toán trả cho doanh nghiệp, hoặc thanh toán không đúng thời hạn, thanh toán không đủ giá trị của hợp đồng. Đây cũng là một điểm mà Mimexco cần quan tâm khi xem xét các hợp đồng XNK của mình.

❖ ***Rủi ro trong quá trình giao dịch:***

Là những rủi ro mà Doanh nghiệp gặp phải trong quá trình thực hiện giao dịch, có thể kể đến như rủi ro về thông tin, rủi ro khoáng sản hư hỏng, và rủi ro từ biến động tỷ giá hối đoái.

Thông tin là nguồn lực quan trọng của doanh nghiệp, thông tin mang lại cơ hội thành công cho doanh nghiệp nhưng cũng tạo ra nguy cơ đe dọa khi không đầy đủ và thiếu thông tin. Các rủi ro thông tin phổ biến thường thấy như: thông tin sai về khả năng thanh toán, thực hiện hợp đồng, tư cách pháp nhân của đối tác; thiếu thông tin về thị trường và xu hướng biến động của thị trường, triển vọng của ngành kinh doanh; thông tin nội bộ sai lệch dẫn đến sự thiếu phối hợp trong tổ chức hoạt động kinh doanh, làm phát sinh chi phí, giao hàng chậm, không thực hiện được các cam kết trong quan hệ với khách hàng và đối tác...

Bên cạnh đó, khoáng sản XNK thường được vận chuyển qua nhiều quốc gia, bằng nhiều con đường và phương tiện khác nhau, đồng nghĩa với việc rủi ro khoáng sản tiếp xúc với điều kiện môi trường không thuận lợi, không giữ được chất lượng như lúc mới khai thác là rất cao... Trong khi đó, quá trình vận chuyển hàng hóa hay lưu kho, lưu bãi ở cảng, tàu, không phải lúc nào doanh nghiệp cũng có thể kiểm soát được mà phải do hãng vận tải, do

bên Hải Quan phụ trách nên việc mất khoáng sản do lỗi của hàng vận chuyển không tin cậy hoàn toàn có thể xảy ra.

Đối với một doanh nghiệp XNK, việc hợp đồng được ký kết và thanh toán bằng ngoại tệ là chuyện không quá xa lạ. Sự thay đổi tỷ giá khiến giá trị kỳ vọng của các khoản thu hoặc chi trong tương lai bị thay đổi khiến cho hoạt động kinh doanh XNK ảnh hưởng đáng kể. Sự biến động của tỷ giá khiến các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn bất ngờ mà không lường trước và tránh được khi ký kết hợp đồng và thực hiện hợp đồng. Chính vì thế, Mimexco cần lựa chọn những giải pháp phòng ngừa rủi ro biến động giá ngoại tệ khi ký kết các hợp đồng với doanh nghiệp nước ngoài.

d. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh,... Đây là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Chủ sở hữu vốn

Ông: Nguyễn Tiến Mạnh

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Đại diện theo pháp luật của Tổng công ty Khoáng sản – Vinacomin

2. Doanh nghiệp bán đấu giá

Ông:.....

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu khoáng sản đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu khoáng sản được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

3. Tổ chức thực hiện bán đấu giá

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Đại diện theo pháp luật:

Ông Vũ Đức Tiến

Chức vụ:

Tổng Giám đốc

Bản Công bố thông tin này là một phần của hồ sơ thoái vốn của Tổng công ty Khoáng sản – Vinacomin tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu khoáng sản do Công ty Cổ phần Chứng

khoán Sài Gòn - Hà Nội tư vấn soạn thảo trên cơ sở ở Quyết định lựa chọn đơn vị tư vấn chào bán cổ phần của Tổng công ty Khoáng sản – Vinacomin. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu khoáng sản cung cấp.

V. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản công bố thông tin này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- ♦ Bản công bố thông tin: Bản công bố thông tin của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu khoáng sản về những nội dung liên quan đến việc chào bán cổ phần;
- ♦ Tổng công ty: Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin;
- ♦ Vimico: Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin;
- ♦ Công ty: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu khoáng sản;
- ♦ Mimexco: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu khoáng sản;
- ♦ SHS: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội;
- ♦ Cổ đông: Tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu khoáng sản
- ♦ Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau;
- ♦ Cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu khoáng sản;
- ♦ Cổ tức: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu khoáng sản sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính;
- ♦ Điều lệ: Điều lệ của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu khoáng sản;
- ♦ Năm tài chính: Tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm;
- ♦ Vốn điều lệ: Số vốn do cổ đông góp được ghi trong Điều lệ của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu khoáng sản.

Ngoài ra, những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như Quy định trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

VI. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

1. Giới thiệu về Công ty

1.1. Những thông tin chung về Công ty

- Tên doanh nghiệp: **Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu khoáng sản**
- Tên tiếng anh: Mineral Import – Export Joint Stock Company
- Tên viết tắt: Mimexco
- Địa chỉ: Số 06 Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 04. 38260673/ 04. 38262762
- Fax: 04. 38265594
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 0103008155 ngày 10/06/2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu, đăng kí thay đổi lần 4 ngày 28/08/2009.
- Sản phẩm dịch vụ chủ yếu: Khảo sát, khai thác, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại khoáng sản, hóa chất (trừ hóa chất cấm) trong ngành công nghiệp và dân dụng
- Vốn thực góp (tính đến thời điểm 30/09/2014): 3.000.000.000 (Ba tỷ đồng)

1.2. Ngành, nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008155 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 06 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 28 tháng 08 năm 2009, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu khoáng sản kinh doanh các ngành nghề sau:

- Khảo sát, thăm dò, khai thác, gia công, chế biến, tuyển luyện các loại khoáng sản;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp và ủy thác các loại khoáng sản, các sản phẩm chế biến từ khoáng sản và các loại vật tư thiết bị khác;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) dùng trong ngành công nghiệp và dân dụng
- Xây lắp các công trình khai thác mỏ tuyển khoáng và luyện kim;
- Kinh doanh kim loại và các sản phẩm kim loại cơ bản;
- Kinh doanh các máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ ngành công nghiệp khai thác, tuyển, luyện kim;

- Kinh doanh các phương tiện vận chuyển, ô tô, hàng điện máy phục vụ ngành công nghiệp và dân dụng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất văn phòng và nhà ở;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh;

Đối với các ngành kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

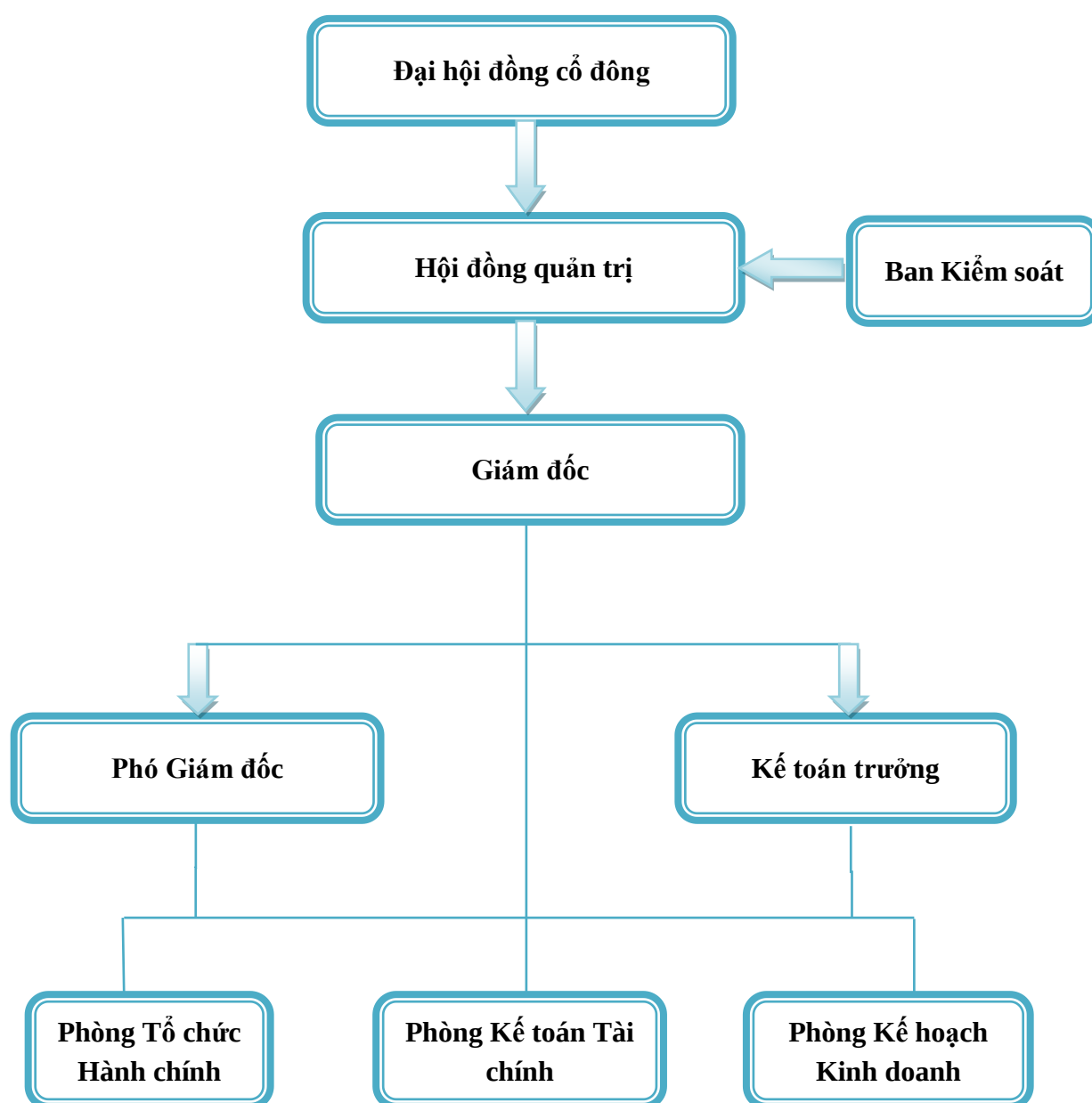
Theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty tháng 05 năm 2005, khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định việc chuyển hay mở rộng các ngành nghề kinh doanh của công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu khoáng sản được chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xuất nhập khẩu Khoáng sản - đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam) thành công ty cổ phần theo Quyết định số 153/2004/QĐ-BCN Bộ Công nghiệp ngày 02/12/2004 và được Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103008155 ngày 10/06/2005.

3. Cơ cấu tổ chức Công ty

(xin xem trang bên)



❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết (cổ đông sở hữu hoặc đại diện tối thiểu 1,6% vốn điều lệ của Công ty), là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) sẽ bầu ra Hội đồng Quản trị của Công ty. HĐQT gồm: HĐQT sáng lập, HĐQT thường niên và HĐQT bất thường.

❖ **Hội đồng quản trị (HĐQT)**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Số lượng thành viên HĐQT là 03 người, trong đó 01 thành viên là đại diện cho Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm.

❖ **Ban Giám đốc**

Giám đốc: Điều hành chung mọi hoạt động của Công ty; chịu trách nhiệm về hiệu quả sản xuất kinh doanh trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; xây dựng phương án, chiến lược hoạt động và triển khai thực hiện các chiến lược đó sau khi đã được HĐQT phê chuẩn; trực tiếp phụ trách các lĩnh vực: kinh doanh, tài chính, kế hoạch, vật tư, tổ chức nhân sự.

Phó giám đốc: Phụ trách các lĩnh vực về tổ chức, kế hoạch thị trường, kế hoạch kinh doanh,... và thay mặt Giám đốc điều hành Công ty khi Giám đốc đi vắng.

Kế toán trưởng: Phụ trách các vấn đề liên quan đến Tài chính, kế toán của Công ty. Đứng đầu và chịu trách nhiệm các thông tin, vấn đề của phòng Kế toán Tài chính.

❖ **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát do ĐHCĐ bầu chọn để tra soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành công ty, hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế của Ban kiểm soát. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người, trong đó phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính, kế toán.

❖ **Các phòng ban**

- **Phòng Tổ chức Hành chính:**

Tổ chức nhân sự: Tổ chức tuyển dụng, thực chế độ chính sách với người lao động, quản lý nhân sự, hồ sơ cán bộ công nhân viên, BHXH, BHYT.

- **Phòng Kế toán Tài chính:**

Có nhiệm vụ thu thập xử lý thông tin số liệu kế toán theo đúng đối tượng và nội dung công việc kế toán theo chuẩn mực và chế độ kế toán đã quy định.

- *Phòng Kế hoạch Kinh doanh*

Có nhiệm vụ lập kế hoạch SXKD ngắn hạn, dài hạn, kế hoạch của Công ty. Đồng thời, tham gia tìm kiếm các hợp đồng xuất nhập khẩu khoáng sản; Soát xét các hồ sơ xuất, nhập khẩu và bám sát tiến độ theo hợp đồng; Thực hiện các công việc khác do Giám đốc Công ty giao.

Hiện tại, Mimexco chỉ giữ lại 03 nhân viên, công việc chủ yếu là đối chiếu công nợ và phối hợp với cơ quan cảnh sát điều tra trong việc điều tra một số vấn đề vẫn đang trong thời gian xử lý tranh chấp của công ty.

4. Cơ cấu cổ đông

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 4 ngày 28/08/2009 là 3.000.000.000 đồng được chia thành 30.000 cổ phần với mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần.

4.1. Cơ cấu vốn cổ phần tại thời điểm 30/09/2014

STT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	13	30.000	3.000.000.000	100
1	Cổ đông tổ chức	01	12.000	1.200.000.000	40%
2	Cổ đông cá nhân	12	18.000	1.800.000.000	60%
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0
	Tổng cộng	13	30.000	3.000.000.000	100

Nguồn: Công ty

4.2. Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm 30/09/2014

TT	Cổ đông	Số cổ phần (CP)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Khoáng sản – Vinacomin (Vimico)	12.000	1.200.000.000	40,0%
2	Dương Đức Dũng	4.066	406.600.000	13,5%
3	Bùi Quốc Bảo	2.765	276.500.000	9,2%
4	Vũ Hồng Sơn	2.515	251.500.000	8,4%
5	Phạm Thị Phương	1.797	179.700.000	5,9%
	Tổng cộng	23.143	2.314.300.000	77,0%

Nguồn: Công ty

4.3. Danh sách cổ đông sáng lập.

Danh sách cổ đông theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008155 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày ngày 10/06/2005:

TT	Tên Cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị CP (VND)	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam Đại diện: Nguyễn Minh Đường	Cổ phần phổ thông	12.000	1.200.000.000	40,0%
2	Nguyễn Vũ Dương	Cổ phần phổ thông	1.394	139.400.000	4,65%
3	Vũ Hồng Sơn	Cổ phần phổ thông	1.244	124.400.000	4,15%
4	14 Cổ đông khác	Cổ phần phổ thông	15.368	1.536.800.000	51,21%

5. Hoạt động kinh doanh**5.1. Sản phẩm của Công ty****Cơ cấu doanh thu qua các năm:**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		9 tháng năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)

Doanh thu từ bán hàng & cung cấp dịch vụ	169,5	70,5%	180,1	79,8%	126,3	94,8%
Doanh thu hoạt động tài chính	70,8	29,5%	45,6	20,2%	6,9	5,2%
Tổng doanh thu	240,3	100,0%	225,7	100%	133,2	100,0%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2012,2013 và BCTC 9 tháng năm 2014

Cơ cấu chi phí của Công ty:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		9 tháng năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Giá vốn hàng bán	-	-	-	-	0	0
Chi phí tài chính	-	-	-	-	0,63	0,01
Chi phí quản lý doanh nghiệp	240,33	100,0%	225,7	100%	5.823,6	99,99
Cộng	240,33	100,0%	225,7	100,0%	5.824,23	100,0%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2012,2013 và BCTC 9 tháng năm 2014

5.2. Nguyên vật liệu

Do đặc thù ngành nghề kinh doanh của Công ty không phải sản xuất, nên Công ty không sử dụng và không có nguồn cung cấp nguyên vật liệu đầu vào.

5.3. Chi phí sản xuất qua các năm

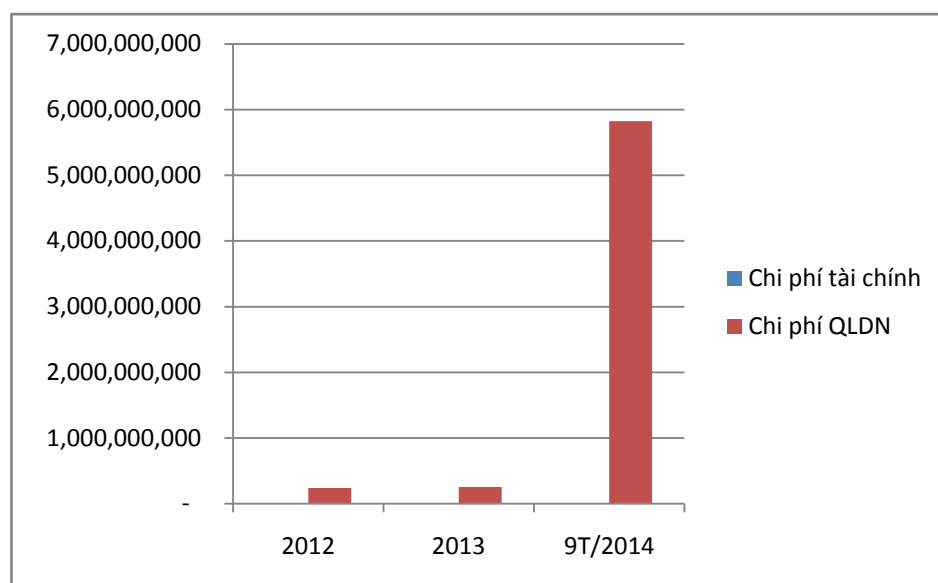
Đơn vị: Đồng

Yếu tố	Năm 2012	Tỷ trọng/ TDT (%)	Năm 2013	Tỷ trọng/ TDT (%)	9 tháng năm 2014	Tỷ trọng/ TDT (%)
Giá vốn hàng bán	-	-	-	-	-	-
Chi phí tài chính	-	-	-	-	630.700	0,5
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
Chi phí QLDN	240.426.594	100	225.790.651	100	5.823.593.203	4.372,1
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-
Cộng chi phí	240.426.594	100,0	255.790.651	100,0	5.824.223.903	4.372,5

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC 9 tháng năm 2014

Biểu đồ 3: Cơ cấu chi phí qua các năm

*Chi phí Quản lý
Doanh nghiệp
gần như là chi
phí duy nhất của
Mimexco*



Do không phải là đơn vị sản xuất, Mimexco không có chi phí giá vốn hàng bán. Trong giai đoạn 2012 – 2014, tình hình hoạt động của Công ty rất khó khăn. Các hoạt động chính của Công ty tạm dừng, Công ty chỉ còn 03 nhân viên. Công ty đang cho thuê mặt bằng 03 cửa hàng tại số 06 Phạm Ngũ Lão để trang trải chi phí hoạt động thường xuyên. Điều này giải thích cho việc chi phí Quản lý doanh nghiệp gần như là chi phí duy nhất đối với Mimexco. Chi phí Quản lý doanh nghiệp của Công ty 9 tháng năm 2014 gồm 81 triệu đồng chi phí nhân viên quản lý; và hơn 5 tỷ đồng là chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi và chi phí bằng tiền khác.

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần đây

Đơn vị: VNĐ

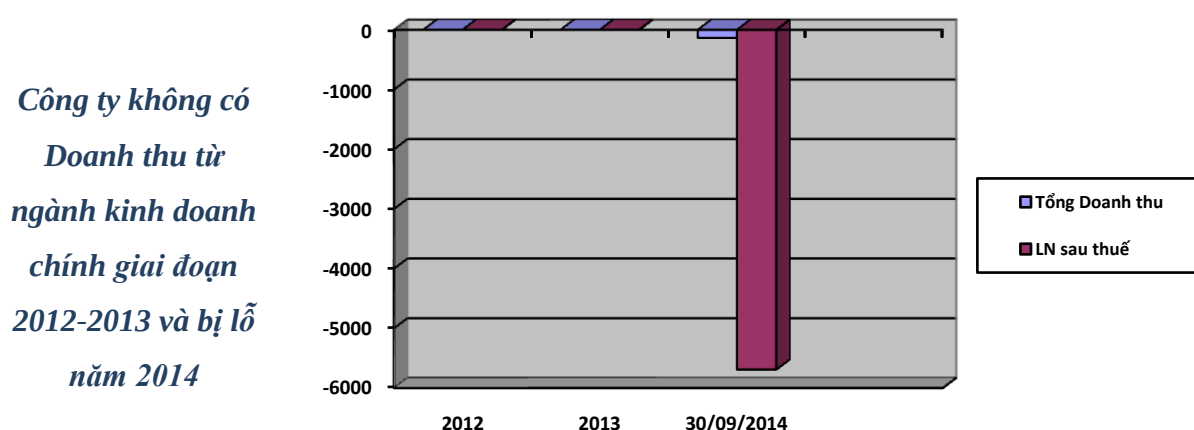
Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	9 tháng năm 2014
Tổng tài sản	14.363.045.340	14.363.045.340	14.360.004.245
Vốn thực góp	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Nguồn vốn chủ sở hữu	3.150.048.919	3.150.048.919	3.127.807.824
Lợi nhuận trước thuế	-	-	(5.690.956.720)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	(5.690.956.720)

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	9 tháng năm 2014
EPS (đồng/cổ phần)	-	-	-
ROE (%)	0	0	(181,9%)
ROA (%)	0	0	(39,6%)

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC 9 tháng năm 2014

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Biểu đồ 4: Doanh thu và Lợi nhuận qua các năm (triệu đồng)



Chịu ảnh hưởng chung của nền kinh tế Việt Nam và thế giới, hoạt động xuất nhập khẩu do đó cũng bị giảm sút mạnh mẽ những năm 2010 – 2013. Với sự suy thoái kinh tế trong nhiều năm đã khiến cho thị trường kinh doanh xuất nhập khẩu trì trệ, thậm chí nhiều doanh nghiệp phá sản. Đặc biệt Mimexco hiện đang có khoản công nợ lớn (chiếm 43% giá trị tổng tài sản) tranh chấp từ năm 2007, hiện vẫn chưa có dấu hiệu có khả năng thu hồi. Do tình hình hoạt động của Mimexco rất khó khăn, Công ty đã tạm dừng các hoạt động chính và cắt giảm lao động, chỉ giữ lại 03 nhân viên.

7. Vị thế của Công ty trong ngành

7.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Do Mimexco đã tạm dừng hoạt động, có thể kể như Công ty không có vị thế trong ngành

7.2 Một số thuận lợi và khó khăn

Khó khăn dễ nhận thấy nhất đối với Mimexco chính là khó khăn về mặt tài chính với khoản nợ khó đòi chiếm đến 43% giá trị tổng tài sản từ năm 2007 của Công ty. Mặc dù Công ty đã nhờ đến pháp luật can thiệp nhưng vẫn không có dấu hiệu khả quan về khả năng đòi được nợ của Công ty.

Bên cạnh đó, khoản vay ngắn hạn mà Mimexco vay Ngân hàng Eximbank với mục đích thực hiện hợp đồng với khách hàng (hiện đang là khách hàng có tranh chấp hợp đồng với Mimexco) cũng không có khả năng hoàn trả và được Ngân hàng phân loại vào khoản mục Nợ xấu.

7.3 Triển vọng phát triển của ngành

Xuất nhập khẩu nói chung và xuất nhập khẩu khoáng sản nói riêng được kỳ vọng sẽ tăng trưởng trong những năm tới, do sự ổn định của nền kinh tế Việt Nam, và hiệp định tự do thương mại hóa các nước Châu Á Thái bình dương sẽ được đàm phán kí kết trong thời gian sắp tới. Vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính và thị trường xuất nhập khẩu ảm đạm những năm trước, thị trường Xuất nhập khẩu 2015 và những năm tiếp theo được dự báo sẽ có sự khởi sắc và phát triển nhanh cả về tốc độ lẫn quy mô.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Cơ cấu lao động

Tổng số người lao động trong Công ty tính đến thời điểm 30/09/2014 là 03 người với cơ cấu lao động như sau:

Cán bộ	30/09/2014	
	Số người	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo trình độ lao động	03	100
1. Trình độ trên đại học		
2. Trình độ đại học	03	100
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp		
4. Công nhân kỹ thuật		

Cán bộ	30/09/2014	
	Số người	Tỷ lệ (%)
5. Sơ cấp		
6. Lao động khác		
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động		
1. Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm		
2. Lao động không xác định thời hạn	03	100
3. Lao động trong thời gian thử việc		-

Nguồn: Công ty

8.2. Chính sách đối với người lao động

Do các hoạt động chính của Công ty đã tạm dừng, và việc trang trải chi phí hoạt động thường xuyên chủ yếu dựa vào việc cho thuê lại mặt bằng trụ sở công ty, Mimexco đã cắt giảm nhân viên tối đa và chỉ giữ lại 03 nhân viên với công việc chủ yếu là đối chiếu và thu hồi công nợ, phối hợp với Cục cảnh sát điều tra Bộ Công an tiến hành điều tra và giải quyết tranh chấp.

Mức lương bình quân của người lao động qua các năm:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
1	Tổng quỹ lương	108.000.000,đ	108.000.000,đ
2	Các khoản thưởng		
3	Tổng thu nhập/người/ tháng	3.000.000,đ	3.000.000,đ
4	Tiền lương bình quân/người/tháng	3.000.000,đ	3.000.000,đ
5	Thu nhập bình quân/người/tháng	3.000.000,đ	3.000.000,đ

9. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, và theo quy định của Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty. Theo đó, phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức do Hội đồng quản trị xây dựng và đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc:

- Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của Pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Do hoạt động kinh doanh đình trệ những năm gần đây nên Công ty không chi trả cổ tức.

10. Tình hình tài chính**10.1. Các chỉ tiêu cơ bản****10.1.1 Trích khấu hao TSCĐ**

Theo BCTC đã kiểm toán 2013 của Công ty, tài sản cố định được khấu hao căn cứ theo thời gian sử dụng ước tính và giá trị phải khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao ước tính cho mục đích tính toán này như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị văn phòng	03 – 05

10.1.2 Tình hình công nợ hiện nay

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
Các khoản phải thu	6.111.852.787	6.053.622.935	6.053.622.935
Phải thu của khách hàng	6.183.789.831	6.179.061.024	6.179.061.024
Trả trước cho người bán	-	-	-
Các khoản phải thu khác	16.813.310	16.813.310	16.813.310
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(88.750.354)	(142.251.399)	(5.810.967.024)
Các khoản phải trả	11.212.996.421	11.212.996.421	11.232.196.421
Nợ ngắn hạn	11.212.996.421	11.212.996.421	11.232.196.421
Vay và nợ ngắn hạn	6.997.110.000	6.997.110.000	6.997.110.000
Phải trả cho người bán	2.929.005.132	2.929.005.132	2.949.005.132
Người mua trả tiền trước	1.232.290.950	1.232.290.950	1.232.290.950
Các khoản thuế phải nộp	34.005.921	34.005.921	34.005.921
Phải trả công nhân viên	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả nội bộ	-	-	-
Phải trả khác	20.584.418	20.584.418	19.784.418
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-
Nợ dài hạn	-	-	-

Vay và nợ dài hạn	-	-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-

Nguồn: BCTC 2012, 2013 đã kiểm toán và BCTC 9 tháng năm 2014

⁽¹⁾ Chi tiết khoản phải thu khách hàng đến 31/12/2013:

Stt	Phải thu khách hàng	31/12/2013 (VNĐ)
1	Công ty cổ phần Khoáng sản và luyện kim Cao Bằng	179.226.000
2	Công ty Mitra (Indonexia)	188.868.000
3	Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật Điện	142.767.024
4	Công ty cổ phần NTD Việt Nam	4.348.200.000
5	Công ty cổ phần Thương mại ô tô Kachi	1.320.000.000
	Tổng cộng	6.179.061.024

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013

⁽²⁾ Chi tiết khoản phải trả người bán đến 31/12/2013:

Stt	Phải trả người bán	31/12/2013 (VNĐ)
1	Công ty cổ phần kim loại màu Thái Nguyên	209.104.244
2	Công ty Teparak	243.847.793
3	Công ty Tân Kỳ Lợi	1.972.868.200
4	Công ty TNHH MTV Kim loại màu Nghệ Tĩnh	15.951.884
5	Công ty cổ phần Khoáng sản và luyện kim Cao Bằng	61.666.852
6	Đại lý Vận tải biển	106.064.200
7	Công ty xây dựng Nam Hồng	22.000.000
8	Công ty Thái Tín	10.041.094
9	Công ty CP Công nghiệp và khoáng sản Hà Nội	277.487.865
10	Nguyễn Thúy Hà	10.000.000
	Tổng cộng	2.929.005.132

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013

⁽³⁾Chi tiết người mua trả tiền trước đến 31/12/2013:

Stt	Người mua trả tiền trước	31/12/2013 (VNĐ)
1	Công ty TNHH MTV Kim loại màu Nghệ Tĩnh	1.232.290.950
	Tổng cộng	1.232.290.950

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013

10.1.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013
Kinh phí công đoàn	8.584.418	8.584.418
Trích kinh phí hoạt động	12.000.000	12.000.000
Tổng cộng	20.584.418	20.584.418

Nguồn: BCTC 2012 & 2013 đã kiểm toán

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,26	1,26
Hệ số thanh toán nhanh	0,63	0,63
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Nợ/Tổng tài sản	78,07%	78,07%
Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,56	3,56
Vốn CSH/Tổng tài sản		
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay các khoản phải thu	0,03	0,03
Vòng quay các khoản phải trả	0,06	0,06
Vòng quay hàng tồn kho	-	-
Vòng quay tổng tài sản	0,01	0,01
Chỉ tiêu về tăng trưởng và cơ cấu chi phí		
Tăng trưởng doanh thu thuần	25,6%	6,2%
Tỷ lệ giá vốn/Doanh thu thuần	-	-
Tỷ lệ Doanh thu tài chính/Doanh thu thuần	41,8%	25,4%
Tỷ lệ chi phí tài chính/Doanh thu thuần	-	-
Tỷ lệ chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	-	-

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Tỷ lệ doanh thu khác/Doanh thu thuần	-	-
Tỷ lệ chi phí khác/Doanh thu thuần	-	-
Tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu thuần	141,8%	125,4%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-	-
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-	-
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-	-
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	-	-

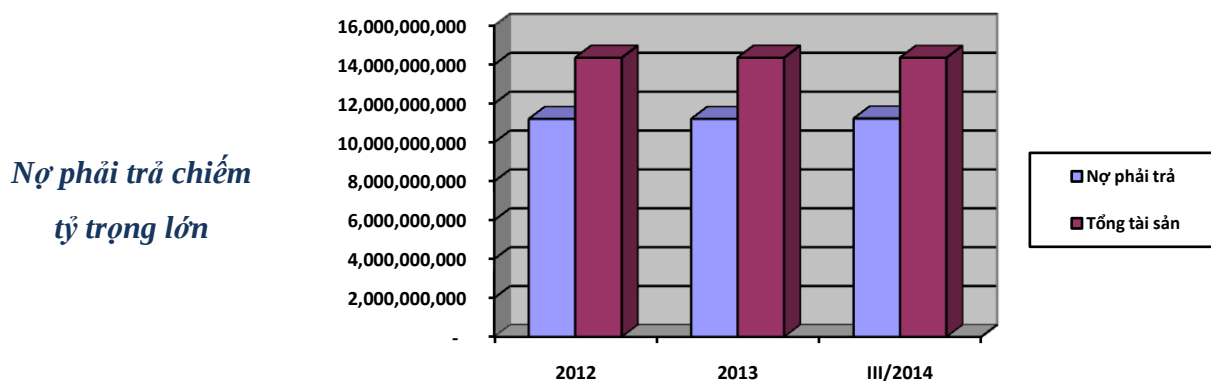
Nguồn: SHS tính dựa theo BCTC kiểm toán 2012,2013 của Công ty

Khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty trong 2 năm 2012 và 2013 ở mức bằng nhau 1.26 lần. Điều này cho thấy, đối với những khoản nợ ngắn hạn, nếu xảy ra trường hợp cần thanh toán gấp, thì tài sản của Công ty cũng vẫn có thể trả được. Tuy nhiên, đối với những tài sản có tính chất thanh khoản nhanh thì lại không đủ để thanh toán những khoản nợ ngắn hạn.

Mimexco hiện đang có 1 khoản nợ ngắn hạn tại Ngân hàng Eximbank từ năm 2007, thời hạn tất toán các khoản nợ là 04/2008. Số dư khoản vay ngắn hạn là số dư nợ gốc chưa bao gồm lãi vay: 6.997.110.000 đồng. Do xảy ra tranh chấp về hợp đồng với bên mua nên Mimexco không có khả năng hoàn trả khoản nợ này. Ngân hàng đã phân khoản nợ này vào khoản mục nợ xấu. Ngân hàng và Công ty đang phối hợp với Cục cảnh sát điều tra Bộ Công an điều tra và giải quyết tranh chấp để nâng cao khả năng thu hồi nợ. Khoản vay này hiện tại Công ty không tính và ghi nhận lãi vay. Công ty không có khoản vay dài hạn nào được thể hiện trên BCTC từ năm 2012 đến nay.

Biểu đồ 6: Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2012-2013

Đơn vị tính: Triệu đồng



Bên cạnh khoản vay nợ với Ngân hàng Eximbank như đã trình bày ở trên, số nợ gần 3 tỷ đồng mà Mimexco hiện đang có là nợ phải trả người bán, trong đó khoản phải trả với Công ty Tân Kỳ Lợi chiếm tỷ lệ lớn với gần 2 tỷ đồng.

11. Tài sản

11.1. Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 30/09/2014

Đơn vị: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
1	Nhà văn phòng công ty	95.550.000	27.596.162	28,8%
2	Xe Ford 4 chỗ 29T-4389	582.182.059	173.157.129	29,7%
3	Máy Photocopy	25.000.000	25.000.000	100,0%
4	Máy điều hòa nhiệt độ	10.500.000	10.500.000	
	Cộng	713.232.059	200.753.291	28,2%

Nguồn: BCTC 9 tháng năm 2014

11.2. Tình hình sử dụng đất đai

STT	Lô đất	Diện tích sử dụng (m ²)	Công trình trên bãi	Mục đích sử dụng	Nguồn gốc sử dụng	Thời hạn sử dụng
1	04 gian nhà tại Số 6 Phạm Ngũ Lão, Hà Nội	100 m ²	Nhà cấp 4	Làm trụ sở văn phòng	Theo quyết định của Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam và được đánh giá đưa vào giá trị vốn khi cổ phần	Từ năm 2005 đến nay

Nguồn: Công ty

- Theo quyết định số 1380/QĐ-KHĐT ngày 31/12/2003 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam ([trực thuộc Bộ Công Nghiệp trước đây](#)), Mimexco được Tổng Công ty [được chuyển](#) giao [quyền](#) quản lý và sử dụng nhà tại số 06 phố Phạm Ngũ Lão – quận Hoàn Kiếm – Thành phố Hà Nội nhằm phục vụ [hoạt động](#) sản

xuất kinh doanh của Công ty. ~~Công ty không có bất cứ văn kiện nào liên quan đến quyền sử dụng đất tại 100 m² đất này.~~

- Mimexco cho biết Công ty không có bất cứ văn kiện nào liên quan đến quyền sử dụng đất tại 100 m² đất này. Toàn bộ khu đất tại địa chỉ hành chính số 06 Phạm Ngũ Lão đang thuộc quyền sử dụng (đã được UBND Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) của Tổng cục Địa chất và khoáng sản – Bộ Tài nguyên môi trường.

12. Cơ sở của ý kiến kiểm toán đối với việc từ chối đưa ý kiến đối với Báo cáo tài chính Năm 2013

- Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty không kiểm kê tiền mặt, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, hàng gửi bán, tài sản cố định. Với những tài liệu hiện có và các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi (Công ty kiểm toán AASC) không có cơ sở đưa ra ý kiến đúng đắn của khoản mục này trên Báo cáo tài chính.
- Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty chưa đối chiếu các khoản công nợ phải thu, phải trả theo quy định.
- Tại thời điểm 31/12/2013, một số khoản mục tài sản phản ánh số dư trên Báo cáo tài chính tuy nhiên khó có khả năng thu hồi, cụ thể:
 - Công nợ phải thu khách hàng với tổng số dư 6.183.789.831 đồng (chiếm 43% giá trị tổng tài sản). Đây là khoản công nợ phát sinh từ năm 2007, đang trong quá trình tranh chấp. Mặc dù công ty đã nhờ đến các cơ quan pháp luật can thiệp, tuy nhiên khoản công nợ nêu trên rất khó có khả năng thu hồi.
 - Hàng gửi bán với tổng số dư 3.363.363.363 đồng (chiếm 23% giá trị tổng tài sản). Trên thực tế các xe ô tô gửi bán này không còn trong kho tại các đơn vị gửi bán. Hồ sơ, tài liệu pháp lý liên quan đến giá trị hàng gửi bán trên cũng không còn. Công ty đã đề nghị Cục cảnh sát điều tra Bộ Công an tiến hành điều tra và giải quyết tranh chấp từ năm 2007 nhưng đến nay chưa có kết quả.
- Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty chưa phản ánh đầy đủ chi phí phát sinh theo quy định. Cụ thể:
 - Chi phí khấu hao chưa ghi nhận từ năm 2009 đến thời điểm 31/12/2013 là: 191.198.291 đồng.
 - Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng Eximbank đến thời điểm 31/12/2013 là: 3.358.612.800 đồng.

Năm 2012:

- Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty không kiểm kê tiền mặt, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, hàng gửi bán, tài sản cố định. Với những tài liệu hiện có và các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi (Công ty kiểm toán AASC) không có cơ sở đưa ra ý kiến đúng đắn của khoản mục này trên Báo cáo tài chính.
- Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty chưa đối chiếu các khoản công nợ phải thu, phải trả theo quy định.
- Tại thời điểm 31/12/2012, một số khoản mục tài sản phản ánh số dư trên Báo cáo tài chính tuy nhiên khó có khả năng thu hồi, cụ thể:
 - Công nợ phải thu khách hàng với tổng số dư 6.183.789.831 đồng (chiếm 43% giá trị tổng tài sản). Đây là khoản công nợ phát sinh từ năm 2007, đang trong quá trình tranh chấp. Mặc dù công ty đã nhờ đến các cơ quan pháp luật can thiệp, tuy nhiên khoản công nợ nêu trên rất khó có khả năng thu hồi.
 - Hàng gửi bán với tổng số dư 3.363.363.363 đồng (chiếm 23% giá trị tổng tài sản). Trên thực tế các xe ô tô gửi bán này không còn trong kho tại các đơn vị gửi bán. Hồ sơ, tài liệu pháp lý liên quan đến giá trị hàng gửi bán trên cũng không còn. Công ty đã đề nghị Cục cảnh sát điều tra Bộ Công an tiến hành điều tra và giải quyết tranh chấp từ năm 2007 nhưng đến nay chưa có kết quả.
- Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty chưa phản ánh đầy đủ chi phí phát sinh theo quy định. Cụ thể:
 - Chi phí khấu hao chưa ghi nhận từ năm 2009 đến thời điểm 31/12/2012 là: 181.643.291 đồng.
 - Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng Eximbank đến thời điểm 31/12/2012 là: 2.518.952.600 đồng.

13. Kế hoạch phát triển kinh doanh năm 2015

Hiện tại Công ty không có kế hoạch phát triển kinh doanh năm 2015.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) đã tiến hành khảo sát Doanh nghiệp, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một

cách cân trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Dựa trên báo cáo tài chính mà Công ty cung cấp qua các năm 2012, 2013 và quý 3 năm 2014; căn cứ vào tình hình hiện tại của Công ty, SHS hy vọng Công ty có thể sớm giải quyết được tranh chấp và thu hồi lại được các khoản phải thu của mình, để có thể giải quyết nợ phải trả với Ngân hàng.

Ý kiến đánh giá trên đây được SHS đưa ra trên cơ sở nghiên cứu và lý thuyết về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, của ngành và của Công ty. Những đánh giá trên đây của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

VII. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ chào bán cổ phần của Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu khoáng sản được cung cấp cho các nhà đầu tư nhằm mục đích giúp các nhà đầu tư có thể tự đánh giá về tài sản, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và triển vọng của Công ty trong tương lai. Các thông tin này không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu khoáng sản cung cấp đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư. SHS không chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin mà MIMEXCO cung cấp.

Các số liệu liên quan đến tài sản, nguồn vốn trong báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu khoáng sản được trình bày ở trên được phản ánh theo giá trị sổ sách kế toán, không phải là giá trị được định giá lại theo giá thị trường tại thời điểm lập Bản công bố thông tin này.

Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định mua cổ phần.

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN – VINACOMIN

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN TIẾN MẠNH

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP BÁN ĐẤU GIÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHOÁNG SẢN

.....

.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ ĐỨC TIẾN